

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 114/2020/HS-ST.

Ngày: 03/12/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Đức và bà Vũ Thị Minh Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Đông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST-QĐ ngày 25/11/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh H, sinh năm 1987 tại Tp. Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: 72x/13 Bến Chương Dương, phường N.T.B, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 0 (không biết chữ);

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1959;

Vợ: Chưa có; Có 01 người con sinh năm 2014 (con chung với bà Vũ Thị Thanh D, sinh năm 1996);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hoạt động bản thân: Tại Bản án số 333/2008/HSST ngày 05/11/2008, bị Tòa án nhân dân quận 1, Tp. H. C. M xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Đến ngày 07/3/2011 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã chấp hành xong toàn bộ bản án, hiện đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020 tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã L; (Có mặt)

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965 - Nơi cư trú: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T), sinh năm 1967 - Nơi cư trú: Thôn 1, xã Phú Văn, huyện B. G. M, tỉnh Bình Phước.

* **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1994 - Nơi cư trú: Thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17/7/2020, bị cáo Nguyễn Thanh H đi ô tô từ Tp. H. C. M. đến thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L với mục đích đi cúng Đình Thầy Thím và thuê nhà trọ S. T để ở. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 18/7/2020, bị cáo H đi đến quán của bà Nguyễn Thị S (cách nhà trọ S.T khoảng 150m) để mua thuốc lá hút, khi vào quán bị cáo H thấy trong tủ bán thuốc lá có để 01 bịch nylon bên trong có đựng nhiều loại card điện thoại nên bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý định này, bị cáo H lợi dụng không có ai để ý nên thò tay vào tủ lấy bịch nylon đựng card điện thoại giấu vào trong túi quần rồi đi về lại nhà trọ S.T.

Về tài sản chiếm đoạt:

Theo lời trình bày của bị cáo H thì sau khi về lại nhà trọ S. T, bị cáo H bán cho 02 người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) mỗi người 08 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 50.000 đồng với số tiền 200.000 đồng; bị cáo H bán cho ông Nguyễn Văn T 01 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 100.000 đồng với số tiền 50.000 đồng. Sau khi nạp thành công, ông T tiếp tục mua của bị cáo H 01 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 200.000 đồng, 13 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 22 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 02 cái card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 100.000 đồng, 07 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 14 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 13 cái card điện thoại Vinafone mệnh giá 100.000 đồng, 11 cái card điện thoại Vinafone mệnh giá 50.000 đồng với tổng số tiền 3.800.000 đồng. Số card điện thoại còn lại, bị cáo đang kiểm đếm thì bị người nhà của bà S phát hiện nên giữ lại và báo công an. Qua làm việc, công an thu giữ của bị cáo H số tiền 3.030.000 đồng, 02 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 200.000 đồng, 03 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 31 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 05 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 20.000 đồng, 16 cái card điện thoại Vinafone mệnh giá 20.000 đồng, 10 cái card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 50.000 đồng, 20 cái card điện

thoại Vietnammobile mệnh giá 20.000 đồng; Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị S thì sau khi phát hiện bị mất card điện thoại, gia đình bà đã kiểm tra camera, nhận diện được đối tượng chiếm đoạt nên họ chia nhau truy tìm. Đến khoảng 03 giờ ngày 18/7/2020, ông Nguyễn Minh T (con rể bà S) đi đến quán S. T, phát hiện bị cáo H đang đếm card điện thoại nên giữ lại và báo công an. Bà S không xác định được cụ thể bao nhiêu card điện thoại bị chiếm đoạt nhưng theo bà thì tổng giá trị số card điện thoại bị chiếm đoạt là 13.530.000 đồng.

*Theo Kết luận định giá tài sản số: **57/KL** - ĐGTS ngày 21/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L xác định: 01 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 200.000 đồng, 13 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 22 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 02 cái card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 100.000 đồng, 07 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 14 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 13 cái card điện thoại Vinafone mệnh giá 100.000 đồng, 11 cái card điện thoại Vinafone mệnh giá 50.000 đồng; Tổng giá trị tài sản định giá là **5.794.600 đồng**.

*Theo Kết luận định giá tài sản số: **58/KL** - ĐGTS ngày 21/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L xác định: 02 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 200.000 đồng, 03 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 31 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 05 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 20.000 đồng, 16 cái card điện thoại Vinafone mệnh giá 20.000 đồng, 10 cái card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 50.000 đồng, 20 cái card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 20.000 đồng; Tổng giá trị tài sản định giá là **2.383.180 đồng**.

*Theo Kết luận định giá tài sản số: **79/KL** - ĐGTS ngày 07/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L xác định: 08 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 01 cái card điện thoại Mobifone mệnh giá 100.000 đồng; Tổng giá trị tài sản định giá là **480.000 đồng**.

Về vật chứng vụ án: Là 170 card điện thoại (gồm 87 card điện thoại thu giữ của bị cáo H và 83 card điện thoại thu giữ của ông T), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã trả lại cho bà Nguyễn Thị S theo biên bản giao nhận ngày 21/8/2020; Số tiền 3.030.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã trả lại cho ông Nguyễn Văn T theo biên bản giao nhận ngày 16/9/2020.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu bị cáo H bồi thường 5.000.000 đồng; Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L kết luận: Mặc dù biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 18/7/2020 tại thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, bị cáo Nguyễn Thanh H đã lén lút lấy trộm 179 card điện thoại gồm nhiều mệnh giá

khác nhau có tổng giá trị là 8.657.780 đồng của bà Nguyễn Thị S. Mặc dù, bà Nguyễn Thị S cho rằng số card điện thoại bị mất tổng cộng là 13.530.000 đồng nhưng ngoài lời khai của bà S thì không có tài liệu nào khác để chứng minh. Như vậy, tổng số tài sản bị cáo H chiếm đoạt là 8.657.780 đồng.

Đồng thời đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng số: 114/CT-VKS ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh H, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H tù: 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị S số tiền 5.000.000 đồng.

- Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thanh H:

Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- Ý kiến của bị hại bà Nguyễn Thị S: Không có ý kiến.

*** Bị cáo Nguyễn Thanh H nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T và người làm chứng ông Nguyễn Minh T vắng mặt. Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại là đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của ông T và ông T không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của ông T đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Xét thấy, lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt, tuy nhiên về tài sản chiếm đoạt thì bị hại bà Nguyễn Thị S cho rằng số card điện thoại bị mất tổng cộng là 13.530.000 đồng nhưng ngoài lời khai của bà S thì không có tài liệu nào khác để chứng minh, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận: Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 18/7/2020 tại thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, bị cáo Nguyễn Thanh H đã lén lút chiếm đoạt 179 card điện thoại gồm nhiều mệnh giá khác nhau có tổng giá trị là **8.657.780** đồng của bà Nguyễn Thị S.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh H về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Thanh H đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, do đó hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương và nguy hiểm cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội “Cướp tài sản” và bị cáo cũng nhận thức được “Trộm cắp tài sản” của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích bản thân, bị cáo bất chấp. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo lao động, học tập, giáo dục trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Bị cáo H bán card điện thoại cho ông Nguyễn Văn T với tổng số tiền 3.800.000 đồng, ông T đã nhận lại 3.030.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền 770.000 đồng là tiền bị cáo đổi chác những chiếc card điện thoại chiếm đoạt của bà S mà có, vì vậy cần buộc bị cáo H nộp lại số tiền 770.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị S yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, qua yêu cầu của bà S thì bị cáo H đồng ý bồi thường. Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận trên của bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên, buộc bị cáo Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị S số tiền 5.000.000 đồng.

[10] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T: Ông T không biết những chiếc card điện thoại là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên đã tiêu thụ, vì vậy Viện kiểm sát không đề nghị xử lý là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 20 (hai mươi) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/7/2020.

Về xử lý vật chứng: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H nộp lại số tiền 770.000 (bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị S.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho

đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thanh H, bị hại bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/12/2020). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn